

DANH MỤC TÀI SẢN

STT	Vật tư thu hồi	Khối lượng (Ước tính)	Đơn vị tính
I	Cổng		
1	Cổng số 1		
1.1	Inox hộp vuông 20x40 dày 0.5mm	43	kg
1.2	Inox hộp 20x20 dày 0.4mm	17	kg
1.3	Tole Inox dày 1mm	12	kg
1.4	Ray V7	171	kg
2	Cổng số 2		
2.1	Sắt hộp vuông 20x40 dày 1mm	26	kg
2.2	Sắt hộp 20x20 dày 0.7mm	21	kg
2.3	Tole dày 1mm	11	kg
2.4	Sắt tròn D10	3	kg
II	Tường rào		
1	Sắt hộp 20x20 dày 0.7mm	13	kg
2	Inox	10	kg
3	Sắt tròn các loại	5.682	kg
4	Hoa sắt tường rào	113	kg
5	Hoa sắt đoạn hàng rào thoáng	73	kg
6	Mũi sắt chống chộm	40	kg
III	Nhà thường trực		
1	Tole mái	267	m2
2	Xà gỗ thép 50x90	231	kg
3	Cửa nhôm kính, vách nhôm kính	39	m2
4	Thép các loại	2.650	kg
5	Bồn Inox 1.5m3	1	cái
IV	Nhà kho 1		
1	Tole 0.5mm	4.594	m2
2	Vì kèo thép hình	13.047	kg
3	Xà gỗ Z200	6.267	kg
4	Thép tròn các loại	28.879	kg
5	Cửa cuốn	119	m2
6	Sắt U50x32x4.4x7 cửa cuốn	265	m
7	Lấy khung nhôm của cửa lấy ánh sáng	26	m2
8	Ống tráng kẽm D90 dày 4mm PCCC	737	m
9	Hộp đựng PCCC	28	cái
10	Họng nạp PCCC	9	cái
V	Nhà kho 2 (khối lượng thu hồi tạm tính)		
1	Tole 0.5mm	2.411	m2
2	Vì kèo thép hình	15.313	kg



STT	Vật tư thu hồi	Khối lượng (Ước tính)	Đơn vị tính
3	Xà gồ Z200	3.774	kg
4	Thép tròn các loại	6.945	kg
5	Cửa cuốn	54	m2
6	Sắt U50x32x4.4x7 cửa cuốn	132	m
7	Lấy khung nhôm cửa cửa lấy ánh sáng	20	m2
8	Đồng dây điện thu hồi	24	kg
9	Cửa gỗ 1 cánh	9	m2
10	Sắt lan can, cầu thang	77	m2
VI	Nhà kho số 3		
1	Tole 0.42mm	4.964	m2
2	Khung cột, kèo thép hình	12.056	kg
3	Xà gồ Z200	3.681	kg
4	Thép tròn các loại	6.393	kg
5	Cửa cuốn	72	m2
6	Sắt U50x32x4.4x7 cửa cuốn	176	m
7	Lấy khung nhôm cửa cửa lấy ánh sáng	20	m2
8	Khung thép lưới thép mạ kẽm chống chuột	78	m2
9	Đồng thu hồi	121	m
10	Dây điện 2x2.5	20	m
11	Dây điện 1x2.5	10	m
12	Kim đồng thu sét D18	14	m
13	Dây đồng thu sét D8	26	m
14	Cáp đồng bền D12	24	m
15	Cọc đồng nguyên chất D20	28	m
16	Đầu cốt đồng	0	cái
VII.1	Mái che xung quanh nhà kho số 2		
1	Tole dày 3.4mm	673	m2
2	Sắt V50x50x3	618	m
3	Sắt hộp 30x60x1.4	478	m
4	Thép ống D90 dày 1.5mm	42	m
5	Ống nhựa D60	33	m
VII.2	Mái che giữa nhà kho số 1 và nhà kho số 2		
1	Tole dày 3.4mm	2.174	m2
2	Sắt V70x70x5	3.779	m
3	Sắt hộp 30x60x1.4	1.175	m
4	Thép I200x100x5.5x8	2.492	m
5	Ống nhựa D60	26	m
6	Cáp giăng D12	71	m
7	Đầu báo cháy	27	đầu
8	Đồng trong dây báo cháy 1.5	6	m
VII.3	Mái che xung quanh nhà kho số 1		

STT	Vật tư thu hồi	Khối lượng (Ước tính)	Đơn vị tính
1	Tole dày 3.4mm	1.985	m2
2	Sắt V70x70x5	930	m
3	Sắt V50x50x3	565	m
4	Sắt hộp 30x60x1.4	774	m
5	Sắt D12 giằng khung thép đỡ mái che	44	m
VII.4	Mái che xung quanh nhà kho số 3		
1	Tole dày 3.4mm	494	m2
2	Sắt hộp 30x60x1.4	287	m
3	Thép I100x50	283	m
4	Lưới B40 3ly	23	m2
5	Cửa sắt kéo	30	m2
6	Sắt ray I	1	m
7	Sắt U	5	m
VII.5	Nhà bảo vệ và nhà vệ sinh gần nhà kho số 3		
1	Tole dày 3.4mm	50	m2
2	Sắt hộp 30x60x1.4	50	m2
3	Khung sắt cửa	8	m2
4	Nhôm khung cửa kính	1	m2
5	Đồng trong dây điện 1.5	1	m
VII.6	Mái che để xe khu Nhà bảo vệ và nhà vệ sinh gần nhà kho số 3		
1	Tole dày 3.4mm	204	m2
2	Sắt hộp 30x60x1.4	191	m
3	Sắt V50x50x3	158	m
4	Thép ống D60 dày 1.9mm	24	m
VII.7	Kho tạm khung thép lưới B40 phía trước nhà kho số 1		
1	Tole dày 3.4mm	2.059	m2
2	Sắt hộp 30x60x1.4	1.263	m
3	Sắt hộp 20x20x0.8	228	m
4	Lưới B40 3ly	647	m2